

## **MS336 - Phân tích bài Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh.**

**Author :** Quản trị

### **Phân tích bài Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh.**

#### **Bài làm**

*“Người đứng trên đài lặng phút giây*

*Trông đàn con đó vẫy hai tay*

*Cao cao vầng trán ngời đôi mắt*

*Độc lập bây giờ mới thấy đây.”*

Thật vậy, sinh thời, Bác không có ý định lập thân bằng con đường văn chương, nhưng trong hành trình chèo lái con thuyền Cách mạng của dân tộc cập bến bờ hạnh phúc Người đã nhận ra vai trò to lớn của văn chương trong việc tuyên truyền và cổ động Cách mạng. Do vậy, Người đã để lại một sự nghiệp văn học đồ sộ, lớn lao, phong phú về thể loại, đa dạng về phong cách, sâu sắc về nội dung tư tưởng. Để những tác phẩm có sức sống bền lâu neo đậu trong tâm hồn thế hệ người đọc và độc giả là bắt nguồn từ hệ thống quan điểm nghệ thuật đúng đắn của Người. Trong số đó có bài Tuyên ngôn Độc lập. Bản Tuyên ngôn Độc lập là kết quả của bao nhiêu máu đã đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hi sinh của những con người anh hùng Việt Nam.

Tuyên ngôn Độc lập được coi là một văn kiện chính trị lịch sử đánh dấu mốc son chói lọi trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam. Khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, ở Đông Dương, Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, khắp nơi nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền. Ngày 19-8-1945 chính quyền Hà Nội thuộc về tay nhân dân, ngày 26-8-1945 Bác từ căn cứ địa Việt Bắc trở về căn nhà số 48 phố Hàng Ngang Hà Nội để soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập. Đến ngày 2-9-1945, Người thay mặt chính phủ lâm thời của nước Việt Nam mới trình trọng đọc bản tuyên ngôn tại quảng trường Ba Đình, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác đã từng tâm sự: “Cả cuộc đời tôi, giây phút sung sướng nhất, hạnh phúc nhất là giây phút được ngồi tĩnh lại để viết tuyên ngôn.”. Có thể nói Tuyên ngôn Độc lập là kết quả của bao mồ hôi, nước mắt, của biết bao xương trắng đã rơi, máu đào đã rỏ của lớp lớp thế hệ cha anh ngã xuống, của những chiến sĩ đang bị đày ải ở nhà tù Côn Đảo. Thấm thía từng câu chữ của Tuyên ngôn, ta càng xúc động trước lời dặn của Đặng Thùy Trâm: “Có một ngày nào đó, bạn nắm tay người thân đi trên một con đường chớ quên rằng dưới chân mình là đá sỏi, là hòn đất thấm máu cha ông. Có một ngày nào đó, bạn cùng người thân ngắm nhìn một vì sao trên trời, sẽ có lúc vì sao ấy màu đỏ, màu máu của biết bao người đã xếp ước mơ vào balo rồi nằm yên trong lòng đất mẹ.”.

Bác viết Tuyên ngôn Độc lập không chỉ với mục đích tuyên bố với thế giới về nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam mà còn tố cáo, phơi bày tội ác và luận điệu xảo trá của Thực dân Pháp. Văn kiện lịch sử ấy hướng tới quốc dân, đồng bào ta, hướng tới mọi tầng lớp nhân dân trên thế giới, đặc biệt là các nước đế quốc Thực dân để chặn đứng âm mưu xâm lược.

Tuyên ngôn Độc lập có giá trị nhiều mặt, là văn kiện chính trị lịch sử đánh dấu bước ngoặt vĩ đại, chấm dứt chế độ thực dân nửa phong kiến, mở ra một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên độc lập tự do, trút bỏ tấm áo nô lệ, tiếp thêm một luồng sinh khí mới cho dân tộc. Đồng thời, Tuyên ngôn Độc lập là áng văn chính luận mẫu mực, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, văn phong hùng hồn, bằng chứng xác thực, giàu tính luận chiến kết tinh tư tưởng của một dân tộc ưa chuộng hòa bình.

Mở đầu Tuyên ngôn Độc lập, Bác trích dẫn hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mĩ để đặt nền móng vững chắc cho Tuyên ngôn Độc lập của dân tộc. Trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ năm 1776 viết: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 viết: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”. Người đọc dễ dàng nhận ra điểm chung của hai bản Tuyên ngôn đều khẳng định quyền con người. Đó là quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc, sống bình đẳng, bác ái. Rõ ràng đây là chân lý mà mọi con người, mọi dân tộc; mọi quốc gia ở mọi thời đại đều khao khát hướng tới. Lời Tuyên ngôn bất hủ ấy đã làm cho cả thế giới phải nghiêng mình ngưỡng vọng. Việc trích dẫn hai bản Tuyên ngôn là để thực hiện mục đích chiến đấu bởi không gì hiệu quả bằng việc lấy ngay lời của Pháp để mà đánh Pháp. Thủ pháp nghệ thuật lấy “gậy ông đập lưng ông” đã bộc lộ trí tuệ uyên thâm của Hồ Chí Minh, đồng thời tạo sức thuyết phục, sắc bén hơn để ngấm tranh luận, nhắc nhở Pháp, Mĩ đừng có nuốt lời cha ông họ, đừng làm vấy bẩn lá cờ tự do bình đẳng bác ái mà xưa kia tổ tiên họ đã dày công vun đắp. Hơn nữa, khi trích dẫn hai bản Tuyên ngôn, Bác còn ngấm đặt bản Tuyên ngôn của dân tộc ta lên ngang hàng với Tuyên ngôn của Pháp và Mĩ, ẩn chứa một niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Dân tộc Việt Nam nhỏ bé nhưng anh dũng, kiên cường đã hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, có thể sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Đặc biệt từ quyền con người, Bác suy rộng ra thành quyền dân tộc, nghĩa là Hồ Chí Minh đã **nổi tiếng sáng lên bảo hiệu sự vùng lên, trỗi dậy của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới và sự lung lay, sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc thực dân.** Nói như một nhà chép sử thì đây là

đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh cho phong trào Cách mạng trên toàn thế giới. Chế Lan Viên rất hứng khởi, tâm đắc, tự hào thốt lên: “Việc trích dẫn hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ để mở đầu cho Tuyên ngôn độc lập của dân tộc như một quả táo ngọt đối với chúng ta; như một quả lựu đạn đối với kẻ thù, làm cho khạc không ra mà nuốt cũng không trôi.”

Lật lại từng trang Tuyên ngôn ta thấm thía hơn bức tranh toàn cảnh của xã hội Việt Nam, bức tranh về một cuộc sống tiêu điều, xơ xác, chết chóc, tang tóc, đau thương khi chìm dưới gót giầy của thực dân Pháp. Chẳng thế mà Tuyên ngôn Độc lập như một bản cáo trạng đanh thép phơi bày tội ác của thực dân Pháp.

Về chính trị, chúng không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào. Ấy thế mà Pháp vẫn rêu rao tuyên bố với cả thế giới rằng “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Tự do ở đâu? Bình đẳng ở đâu? Bác ái ở đâu khi chúng đặt chân xuống đất Việt ngày nào thì ngày ấy chúng trói buộc, dày xéo dân ta dưới gót giầy. Chúng chia tách đất nước ta thành ba miền với dã tâm chia để dễ bề cai trị, để khó bề thống nhất, để phá tan tinh thần đoàn kết mà dân ta đã hun đúc trong suốt chiều dài lịch sử. Nguyễn Trãi đầy ắp niềm tự hào về tinh thần đoàn kết: “Nhân dân bốn cõi một nhà dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới – Tướng sĩ một lòng phụ tử - Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.”. Và rồi nỗi đau khi thân thể của Tổ quốc bị chia cắt vẫn còn nhói nhói trong thơ Tố Hữu:

*“Lưỡi gươm cắt đất ngàn miền*

*Núi sông một khúc ruột liền chia ba”*

Chúng còn lập nhà tù nhiều hơn trường học. Vậy mà vẫn dõng dạc tuyên bố đến để khai hóa văn minh cho dải đất An Nam xa xăm, mông muội. Khai sáng bằng cách lập nhà tù nhiều hơn trường học ư? Để rồi kết quả hơn 95% dân ta mù chữ. Uất nghẹn, căm hờn Chế Lan Viên một lần nữa khẳng định: “Thực ra anh đã khai tử cả một dân tộc chúng tôi, anh đưa dân tôi lên con thuyền rồi cho trôi trở về vương quốc của sự lạc hậu, tối tăm.”. Chúng còn đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện làm cho nòi giống của ta suy nhược, đạo đức của ta băng hoại, suy đồi, chúng còn mọc ra rất nhiều trò chơi để ru ngủ dân ta, để dân ta ham vui hám lợi mà ngủ quên trên bờ lịch sử, đánh rơi ý thức, bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với vận nước.

Không chỉ có thế, chúng còn thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta và nhấn chìm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu. Lời văn bỗng nhiên trầm, lắng xuống, da diết hơn, đâm sâu vào cõi lòng người đọc, cọ cứa một nỗi đau, đau đến tím ruột bầm gan, xót xa như cào gai sát muối. Thêm vào đó một loạt những từ giàu chất tạo hình: “chém”, “giết”, “bể máu”,... đã khơi gợi nỗi đau đến tột cùng kết hợp với điệp từ “chúng” cùng nghệ thuật liệt kê... tất cả như làn sóng tới tấp vỗ vào kẻ thù. Mỗi lần từ “chúng” cất lên là sức nặng tố cáo trở dậy mạnh mẽ hơn. Có lẽ lặn sâu trong từng câu chữ là tiếng khóc, tiếng nấc nghẹn ngào của Bác trước nỗi đau mất nước. Có thể nói lời văn tố cáo như thứ nước rửa ảnh làm nổi hình, nổi sắc bộ mặt thật của Thực dân Pháp trên từng câu chữ.

Về kinh tế, chúng vơ vét, bóc lột sức lao động của nhân dân ta đến tận xương tủy, làm cho cuộc sống bản thân chúng ta trở nên tiêu điều, xơ xác. Túi tiền của Pháp đầy lên bao nhiêu là máu xương của dân ta đổ xuống bấy nhiêu. Để rồi nỗi khổ nhục một thời vẫn còn quanh quẩn

đâu đây:

*“Anh trốn ra Hòn Gai cuốc mỏ*

*Em chạy vào đất đỏ làm phu*

*Bán thân đổi mấy đồng xu*

*Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng.”*

Xưa kia giặc Minh đến xâm lược nước ta cũng phá tan hoang cuộc sống: “Kẻ bị ép xuống biển gồng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng – Kẻ bị ép vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng thiêng nước độc.”. Pháp còn giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Đặc biệt, chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, có những thứ thuế giết chết con người đó là thuế máu. Ta hiểu vì sao người nông dân dãi nắng dầm mưa, bới đất nhật cỏ, lặn lội thân cò mà vẫn không đủ để mà đóng thuế. Thuế đập lên vai người nông dân rồi kéo ghì họ xuống sát đất. Cuộc sống khốn đốn, điều đúng, nheo nhóc vì thuế, ai đời người sống mất thuế, người chết rồi vẫn phải đóng thuế. Nỗi khổ vì thuế đã được Ngô Tất Tố tái hiện trong tiểu thuyết “Tắt đèn”. Thật đúng là:

*“Trăm thứ thuế, thuế gì cũng ngặt*

*Thuế chó cũi, thuế lợn bò, thuế thân, thuế rượu, thuế đò, thuế xe”*

Pháp chính là lũ ăn cướp, không chỉ dày xéo mà còn vợ vét, cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Tất cả những chính sách về mặt kinh tế dẫn tới hậu quả từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói – đó là con số mà hàng trăm, hàng nghìn năm sau mỗi lần nhắc đến, con cháu ta không khỏi rùng mình ghê sợ. Năm Ất Dậu 1945 đã trở thành nỗi kinh hoàng của lịch sử, thành vết thương lòng không bao giờ mờ được. Nếu như coi Cách mạng tháng Tám là cơn bão táp của lịch sử thì trước khi cơn bão táp ấy xảy ra dân tộc Việt Nam phải sống trong một bầu không khí oi ả, bức bối, ngột ngạt, thoi thóp giữa sống và chết. Cối âm hòa với cối dương, cuộc sống mấp mé bên bờ vực của cái chết. Mùi gậy của xác người chết đói hòa lẫn với mùi hôi thối của rác rưởi tạo thành không khí ám đạm, tang tóc và thê lương. Cuộc sống hốc hác, xám xịt vì đói, cái đói, cái chết đã len lỏi vào ngõ ngách, gõ cửa từng nhà và đùng chạm đến từng người. Âm ảnh trước cái thời:

*“Con đói lả ôm lưng mẹ khóc*

*Mẹ đợ con đấu thóc cầm hơi*

*Kiếp người cơm vãi cơm rơi*

*Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi”*

Tài liệu Pháp không chỉ vợ vét của cái, tài nguyên khoáng sản, bóc lột sức lao động mà trên hết thầy các tội ác là tội hủy diệt nòi giống của ta. Nếu như giặc Minh xưa “Nướng dân đen trên ngọn

lửa hung tàn - Vùi con đổ xuống dưới hầm tai vạ” thì hôm nay, Pháp không nướng dân đen, không vùi con đổ mà chúng làm cho dân ta suy nhược, lịm dần, lịm dần vào cõi chết. Có lẽ khi phơi bày sự thật về nạn đói là sự hòa trộn cả nỗi đau, lòng căm thù sục sôi và nước mắt của Bác. Lời văn khi đanh thép, khi nghẹn ngào tức tưởi kết hợp với diễn đạt theo lối quy nạp đồng thời phát huy triệt để của phép tu từ liệt kê...tất cả đã làm nên sức thuyết phục để Pháp có thể nhìn rõ bộ mặt thật của mình...

Sau khi tố cáo tội ác của thực dân Pháp, Bác đã nêu ra sự thật lịch sử nhằm tranh luận một vấn đề mang tầm cỡ quốc tế và để bóc trần luận điệu xảo trá của thực dân Pháp. Nếu Pháp khẳng định đứng về phe Đồng minh chống Phát xít thì Bác đã vạch trần tội phản bội Đồng minh, mở cửa nước ta để rước Nhật vào. Nếu như Pháp tuyên bố có công bảo hộ nước ta thì Bác đã phơi bày cái tội hèn nhát: “Khi Nhật vào Đông Dương thực dân Pháp quỳ gối dâng nước ta cho Nhật. Sự thật là từ mùa thu năm 1940 nước ta là thuộc địa của Nhật chứ không còn là thuộc địa của Pháp nữa... Sự thật là trong 5 năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật... Sự thật là dân ta đã lấy lại chính quyền từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.”. Cụm từ “Sự thật là” được điệp lại nhiều lần như những đòn roi quất tới tấp vào kẻ thù. Hơn nữa, cách lập luận của Hồ Chí Minh thật mạch lạc, bằng chứng rõ ràng, lí lẽ sắc bén để thêm một lần nữa tội ác của Pháp được nhân lên. Thật đúng là:

*“Biết Người việc nước không hề rảnh*

*Vung bút thành văn đuổi giặc thù”*

Ngòi bút chiến đấu của Hồ Chí Minh góp phần làm nên âm hưởng hào hùng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Điều đó chỉ có thể có ở một người lái già dạn dày đã bạc vì gió, thông thuộc về mây sao trên trời và đá ghềnh dưới biển.

Cùng với sự thật lịch sử Bác đã khái quát quá trình đấu tranh của dân tộc chỉ với ba câu ngắn gọn, cô đọng, dồn nén cảm xúc, dồn nén đau thương, dồn nén ý chí, nghị lực của dân tộc: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.”. Ba câu chứa đựng trong đó chiều dài truyền thống đánh giặc của dân tộc Việt, là cả hành trình tắm nắng, gội mưa với bao thăng trầm biến đổi. Để Pháp chạy, Nhật hàng là biết bao máu đã đổ xuống; là ý chí của những con người biết trồng tre đợi ngày thành gậy - đi trả thù không sợ dài lâu. Để đập tan xiềng xích thực dân là kết quả của những con người biết dùng óc để đánh tan sắt lửa - xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ. Và rồi để lật đổ chế độ quân chủ là biết biến đau thương thành hành động, biết gạt nước mắt, biết hướng tới sống làm chủ...Pháp, Nhật là những đế quốc sùng sỏ, kị binh hiếu chiến. Vậy mà lại thất bại thảm hại trước sức mạnh của dân tộc Việt bởi rần rật trong từng đường gân thớ thịt là máu yêu nước được lưu truyền trong suốt chiều dài lịch sử. Chẳng thế mà Nguyễn Huệ - Quang Trung tuyên thệ:

*“Đánh cho nó chích luôn bất phân*

*Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng tri hữu chủ*

*Đánh để dài tóc, đánh để đen răng”*

Từ cơ sở pháp lý đến cơ sở thực tiễn kết hợp với lý lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, lập luận chặt chẽ...tất cả đủ để Bác hào sảng tuyên bố nền độc lập, tự do của dân tộc trước nhân dân trên toàn thế giới. Trước hết với Pháp, Bác tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân, xóa bỏ mọi hiệp ước mà Pháp đã kí về Việt Nam, xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam. Một loạt những động từ mạnh như: “thoát li”, “xóa bỏ”...như sóng trào bão cuốn thể hiện thái độ cương quyết, dứt khoát, không hề khoan nhượng với Pháp. Đây không chỉ là thái độ của Bác mà còn là thái độ của cả dân tộc ta.

Với Đồng minh Bác tuyên bố có lý và có tình. Có lý là bởi “một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay” nên “dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập.”. Bên cạnh những gì thuộc về lý vẫn nặng chữ tình: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.”. “Tin” là tin ở chính nghĩa, tin ở lẽ phải, sự công bằng - Đó là chiều sâu phẩm chất tâm hồn của con người Việt Nam.

Với nhân dân trên toàn thế giới Bác tuyên bố nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và sự thật đã trở thành nước tự do, độc lập. Cuối cùng Bác hướng tới quốc dân, đồng bào ta, tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, mở ra một kỉ nguyên mới, một nguồn sống mới, tương lai mới. Bên cạnh đó, Bác để lại lời khuyên, lời dặn dò: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem hết tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy.”. Lời khuyên thật chí lí, chí tình, trút ra từ gan ruột của một người nặng nghĩa, nặng tình với Tổ quốc, giang sơn, là tiếng chuông gióng giả đánh thức, không cho phép ta ngủ quên trên bờ lịch sử. Đồng thời lời khuyên thể hiện tầm nhìn chiến lược, giữ nước bền lâu. Từ lời khuyên của Bác gợi ta nhớ về lời dặn của Trần Quang Khải:

*“Thái bình tu chí lực*

*Vạn cổ thử giang san”*

Tuyên ngôn Độc lập hấp dẫn người đọc bởi lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, giàu tính luận chiến, giọng văn khi hùng hồn đanh thép khi trầm lắng giàu chất suy tư; khi nghẹn ngào tức tưởi khi châm biếm mỉa mai sâu cay. Thêm vào đó là ngòi bút già dặn của một người học vấn uyên thâm trong việc sử dụng các thao tác lập luận, các biện pháp thể hiện nghệ thuật...Tất cả đã làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc Việt Nam - một dân tộc giàu ý chí, giàu đức hi sinh luôn mang trong mình khát vọng hòa bình. Tác phẩm xứng đáng là áng hùng văn của thời đại mới có sự kế thừa truyền thống tuyên ngôn của dân tộc. Ta sao quên được thế kỉ thứ X bên bờ sông Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt cất giọng đọc: “Nam quốc sơn hà nam đế cư”. Chảy trôi trên triển lịch sử ấy, kết thúc 10 năm kháng chiến chống giặc

Tài Minh tâm lược, Nguyễn Trãi tuyên bố trước nam bang bốn cõi:

*“Xã tắc từ đây bền vững*

*Giang sơn từ đây đổi mới”*

Sợi dây thiêng liêng của lịch sử ấy luôn nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai để rồi thế kỉ Ba Đình mùa thu năm ấy một lần nữa, triệu triệu con dân đất Việt thấm thía hơn lời Tuyên ngôn của Bác. Để rồi:

“Giọng của Người không phải sấm trên cao

Thấm từng tiếng ấm vào lòng mong ước

Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước

Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau.”.

**Đỗ Minh Hiền**

**Lớp 12A4 - Trường THPT Trục Ninh, Nam Định**